

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/DS-ST
Ngày: 16-5-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình và bà Đinh Thị Hạnh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Đức Linh, giữa các bên đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trương Minh T, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Số 289, đường 3/2, khu phố 9, thị trấn Đt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Số 148, đường 3/2, khu phố 5, thị trấn Đt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Số 289, đường 3/2, khu phố 9, thị trấn Đt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- **Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Đặng Quang V, sinh năm 1992; Nơi cư trú: khu phố 1, thị trấn Vx, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 24/2/2024 tại Văn phòng công chứng Đức Linh)

Tại phiên tòa, có mặt Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bị đơn vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 25/5/2021, ông T có cho ông N vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích ông N vay tiền là để làm ăn. Khi vay tiền, hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 3%/tháng nhưng không ghi vào giấy mượn tiền và ông N có hẹn sẽ trả đủ cho ông T trong thời hạn 6 tháng, tức là ngày 25/11/2021, ông N phải trả tiền cho ông T. Ông N có viết giấy mượn tiền cùng ngày để xác nhận việc vay tiền của ông T.

Tuy nhiên, sau ngày 25/11/2021, ông T đã nhiều lần yêu cầu ông N trả số tiền trên cho ông T thì ông N né tránh, không có thiện chí trả tiền. Việc ông N không trả tiền đã vay của ông T làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông T.

Do đó, ông T yêu cầu ông N trả cho ông T số tiền nợ vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất chậm trả 10%/năm đối với số tiền nợ gốc, lãi suất được tính từ ngày 25/11/2021.

Ông T cho ông N vay tiền bằng tiền riêng của ông T. Khi cho vay, ông T không thông báo cho vợ ông T là bà Ng biết. Ông T không xác định chính xác họ tên, năm sinh của vợ ông N.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Vào ngày 25/5/2021, ông N có vay của ông T số tiền 100.000.000 đồng, với thỏa thuận lãi suất 360%/năm, thời hạn vay 06 tháng, mục đích vay để làm ăn cá nhân. Ông N đã trả được 06 tháng tiền lãi cho ông T (do trả bằng tiền mặt nên không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án). Ông N thừa nhận giấy nợ giữa ông và ông T là do ông N viết và ký tên bên dưới. Ông N đồng ý trả cho ông T, bà Ng số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, do hiện nay kinh tế của ông N gặp khó khăn nên ông N sẽ trả từ từ cho ông T. Ông N không đồng ý số tiền lãi mà ông T yêu cầu, do trước đây ông N đã trả lãi cho ông T quá nhiều.

Quá trình giải quyết vụ án, Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà Ng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ Ng yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông T phải trả cho Nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 100.000.000 đồng và yêu cầu trả số tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 25/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đồng thời yêu cầu ông T tiếp tục chịu lãi cho đến khi trả xong nợ vay.

Bị đơn có đơn xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc Nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; buộc ông N trả cho ông T số tiền nợ vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định, với mức lãi suất là 10%/năm, lãi suất tính từ ngày 25/11/2021.

Về án phí: Buộc ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

(có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ vay; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 5, thị trấn Đt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, đương sự không nộp tài liệu, chứng cứ mới để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án và Tòa án đã thu thập được theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và do các đương sự cung cấp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Về tính pháp lý của giao dịch dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bản chính 01 giấy mượn tiền đề ngày 25/5/2021; bị đơn thừa nhận có mượn của Nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng và chữ ký, chữ viết tên trong giấy mượn tiền do Nguyên đơn

cung cấp đúng là do bị đơn tự viết và ký tên; đây là tình tiết, sự kiện pháp lý đã được các bên đương sự thừa nhận nên thuộc trường hợp không phải chứng minh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Theo nội dung thể hiện trong các tài liệu do Nguyên đơn cung cấp và được bị đơn thừa nhận thì có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản, lập thành văn bản, có thỏa thuận thời hạn vay, không ghi nội dung thỏa thuận về lãi suất vay nhưng có thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất và các thỏa thuận khác. Tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền hai bên đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; do đó giấy mượn tiền đề ngày 25/5/2021 đảm bảo các quy định tại Điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự, nên được pháp luật dân sự bảo vệ.

Căn cứ khoản 2 Điều 469, Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền là trong thời hiệu được pháp luật quy định.

[4.2] Về xác định nghĩa vụ trả nợ vay:

Tại Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn xác nhận cho cá nhân bị đơn vay số tiền 100.000.000 đồng đúng như giấy mượn tiền ghi ngày 25/5/2021 và yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc nêu trên và tiền lãi chậm trả phát sinh từ sau ngày 25/11/2021; bị đơn thừa nhận có vay của vợ chồng Nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền trên cho vợ chồng Nguyên đơn. Tuy nhiên, Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Thanh Ng xác nhận số tiền mà Nguyên đơn cho bị đơn vay là tài sản riêng của Nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào giấy mượn tiền ghi ngày 25/5/2021, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho Nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 100.000.000 đồng.

[4.3] Về lãi suất: Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn đã thừa nhận khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất trong thời hạn vay là 3%/tháng, nhưng không ghi vào giấy mượn tiền, bị đơn cho rằng hai bên có thỏa thuận lãi suất 360%/năm và bị đơn đã chuyển trả cho Nguyên đơn 6 tháng tiền lãi nhưng không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án; Nguyên đơn không thừa nhận việc bị đơn đã trả lãi cho Nguyên đơn; Do các bên có tranh chấp về lãi suất, cho nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật hình sự để xác định trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ của bị đơn, đến thời điểm xét xử sơ thẩm lãi suất được xác định như sau:

Thời gian tính lãi từ ngày 25/11/2021 đến 16/5/2024 là 02 năm 05 tháng 20 ngày x 10%/năm x 100.000.000 đồng = 24.714.611 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bên có nghĩa vụ tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền còn phải thi hành án đến khi thi hành án xong là phù hợp quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Nguyên đơn không phải chịu án phí DSST. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa phù hợp với những nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; Điều 95; Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 147; Điều 161, Điều 262; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Trương Minh T.

Buộc ông Nguyễn Hồng N có nghĩa vụ trả cho ông Trương Minh T số tiền nợ vay gốc là 100.000.000 (bằng chữ: một trăm triệu) đồng và số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 16/5/2024 là 24.714.611 (bằng chữ: hai mươi bốn triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, sáu trăm mười một) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Hồng N phải nộp số tiền 6.235.000 (bằng chữ: sáu triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Trả lại cho ông Trương Minh T số tiền 3.021.000 (bằng chữ: ba triệu, không trăm hai mươi một nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành

án dân sự huyện Đức Linh theo các biên lai thu tiền số: 0004194 ngày 29 tháng 01 năm 2024.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận